TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản ánsố:13/2019/KDTM- PT
Ngày: 26/3/2019
V/v:Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Hưng

Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:*** Bà Ngô Thị Huyền Phương - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 26/2018/TLPT-KDTM ngày 22/02/2019 về việc Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 39/2018/KDTM-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXX-PT ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH đầu tư HKL (gọi tắt là nguyên đơn)

Địa chỉ: Số 16 khu Tập thể trung tâm nhiệt đới VN, phường CN 1, quận BTL, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình P - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Hồng H (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2019 của nguyên đơn)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần thuốc thú y TƯ 1 (gọi tắt là bị đơn)

Địa chỉ: Số 88 TC, phường PM, quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H và bà Dương Thị Thanh T (Theo văn bản ủy quyền số 18.3/UQ-VINA VETCO-HC của bị đơn)

Người kháng cáo: bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/01/2017, nguyên đơn đã ký hợp đồng nguyên tắc số: 020117/HĐ/NT/2017/HKL-TYTW1 với bị đơn. Theo hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trong hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Bị đơn đã vi phạm hợp đồng đã ký giữa hai bên. Nguyên đơn đã nhiều lần liên lạc bằng điện thoại, gửi công văn yêu cầu thanh toán nhưng bị đơn vẫn không thanh toán số tiền hàng còn nợ. Hai bên đã chốt công nợ đến ngày 31/12/2017 (Biên bản chốt công nợ ngày 03/01/2018), bị đơn còn nợ Công ty Hải Kim Long là 525.635.015 đồng giá trị tiền hàng. Đề nghị Tòa án áp dụng các quy định tại khoản 6.1 và khoản 6.2 Điều 6 hợp đồng nguyên tắc số: 020117/HĐ/NT/2017/HKL-TYTW1 và Điều 306 Luật thương mại buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn: 525.635.015 đồng giá trị tiền hàng; phạt vi phạm hợp đồng là 15.769.050 đồng; lãi suất do chậm thanh toán theo Điều 306 Luật thương mại tính theo lãi suất nợ quá hạn do trậm thanh toán trung bình trên thị trường hiện nay (15%/năm) tính từ ngày 10/4/2017 tạm tính đến 10/11/2018 là 124.638.316 đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tạm tính đến ngày 10/11/2018 là 666.242.318 (Sáu trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm mười tám đồng).

Ông Lê Đức L - Giám đốc là đại diện bị đơn trình bày:

Ông L là người đại diện theo pháp luật của bị đơn trực tiếp ký Hợp đồng nguyên tắc số 020117/HĐ/NT/2017/HKL-TYTW1 với nguyên đơn. Ông L xác nhận giá trị của Hợp đồng trên và số nợ gốc mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là 525.635.015 đồng.

Hiện Công ty vẫn đang cơ cấu, đến ngày 24/10/2018 Công ty tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên, lúc đó vấn đề công nợ sẽ có phương án giải quyết cụ thể. Đề nghị Tòa án tạo điều kiện báo các bên lên làm việc sau ngày 24/10/2018, phía bị đơn sẽ trả lời bằng văn bản về việc thanh toán công nợ cho nguyên đơn

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải giữa hai Công ty nhưng không thành.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 39/2018/KDTM-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân quận Đống Đa đã xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán trả nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày 10/11/2018 là 666.242.318 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm mười tám đồng). Trong đó: nợ gốc là 525.635.015 đồng(Năm trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm mười lăm đồng), lãi là124.638.316 đồng (một trăm hai mươi tư triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm mười sáu đồng), phạt vi phạm hợp đồng là 15.769.050 đồng (Mười lăm triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án dân sự tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc theo lãi suất của Hợp đồng hai bên đã thỏa thuận tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm trên ngày 10 tháng 12 năm 2018 bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với các lý do Tòa án cấp sơ thẩm không được cung cấp thông tin đầy đủ, khách quan nên bản án không hoàn toàn chính xác và không đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Hợp đồng số 020117/HĐ/NT/2017/HKL-TYTW1 đã ký giữa hai Công ty là đúng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, đã giao hàng đầy đủ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán mặc dù hai Công ty đã chốt công nợ. Việc bị đơn thực hiện việc tái cơ cấu nhân sự thì bị đơn vẫn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn.Tòa án cấp sơ thẩm đã tính lãi theo đúng thỏa thuận của các bên theo hợp đồng. Nguyên đơn không đồng ý giảm lãi vì nguyên đơn cũng đang gặp khó khăn do sự chậm trễ thanh toán số tiền mà bị đơn chưa trả cho nguyên đơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện bị đơn, ông Lê Văn H, bà Dương Thị Thanh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bầy: Thừa nhận bị đơn còn nợ Công ty Hải Kim Long số tiền hàng là 525.635.015 đồng như biên bản chốt công nợ hai bên Công ty đã ký. Việc tính lãi suất do chậm thanh toán và số tiền phạt vi phạm hợp đồng là có căn cứ theo hợp đồng hai Công ty đã ký. Tuy nhiên, mức ấn định lãi suất 15% là chưa hoàn toàn chính xác và chưa xem xét đến sự khó khăn của bị đơn; thời gian tính lãi suất là chưa có căn cứ vì trong hợp đồng hai bên đã ký và hóa đơn xuất kho, nhập kho chưa thể hiện rõ thời hạn thanh toán, thời gian được coi là trả chậm (hóa đơn cuối cùng là ngày 08/3/2017).

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều không nộp thêm tài liệu chứng cứ gì khác và không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo hợp lệ, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ. Thẩm phán và các đương sự thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Các yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm chỉ có bị đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo đúng thời hạn, bị đơn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật nên kháng cáo là hợp lệ.

Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn, bị đơn nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

2.Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

+ Về Hợp đồng nguyên tắc số 020117/HĐ/NT/2017/HKL-TYTW1 ngày 02/01/2017 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Hàng hóa mua bán giữa hai Công ty là những nguyên liệu theo danh mục hóa chất do nguyên đơn được phép cung cấp, nội dung và mục đích của hai bên hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật nên hợp đồng hai Công ty đã ký kết là hợp pháp theo quy định pháp luật. Hai Công ty đã thực hiện xong việc giao nhận hàng hóa như thỏa thuận. Ngày 01/11/2017 và ngày 03/01/2018 hai Công ty đã ký biên bản xác nhận công nợ xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn đến hết ngày 31/12/2017 số tiền hàng là: 525.635.015 đồng(Năm trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm mười lăm đồng) nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán giá trị tiền hàng: 525.635.015 đồng(Năm trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm mười lăm đồng) là đúng quy định pháp luật.

+ Đối với yêu cầu về số tiền phạt vi phạm hợp đồng: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng giữa hai bên đã ký. Căn cứ quy định tại điểm c

khoản 5.4 Điều 5 Hợp đồng là 3% giá trị chưa thanh toán của Hợp đồng với số tiền là: 15.769.050 đồng (mười lăm triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm năm mươi đồng) là thỏa thuận của các bên phù hợp với qui định pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận phần phạt vi phạm hợp đồng theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu về lãi suất do chậm thanh toán với số tiền là 124.638.316 đồng (một trăm hai mươi tư triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm mười sáu đồng) tính từ ngày 10/04/2017 đến ngày 10/11/2018, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày xuất hóa đơn bán hàng cuối cùng là ngày 08/03/2017; theo quy định tại điểm b khoản 5.4 Điều 5 Hợp đồng các bên thỏa thuận: Chịu lãi quá hạn phát sinh trên tổng số tiền chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Nội tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Vì vậy, số tiền lãi do chậm thanh toán là 15% mà nguyên đơn yêu cầu nằm trong giới hạn thỏa thuận, không vượt quá quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì vậy, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 666.242.318 đồng trong đó: nợ gốc 525.635.015 đồng, nợ lãi 124.638.316 đồng, phạt vi phạm hợp đồng 15.769.050 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 306 Luật thương mại.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu án phí Toà án.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 39/2018/KDTM-ST ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ gốc tính đến ngày 10/11/2018 là 525.635.015 đồng, nợ lãi 124.638.316 đồng, phạt vi phạm hợp đồng 15.769.050 đồng, tổng cộng là 666.242.318 đồng (sáu trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm mười tám đồng).

2. Kể từ ngày 11/11/2018, bị đơn tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất của Hợp đồng hai Công ty đã thỏa thuận tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong nợ gốc cho nguyên đơn

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: bị đơn phải chịu 30.650.000 (ba mươi triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng (hai triệu) đồng tiền án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AN/2010/0008071 ngày 13/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Hoàn trả nguyên đơn số tiền 14.400.000 (mười bốn triệu, bốn trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007642 ngày 05/09/2018 của chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND quận Đống Đa;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Bình